

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ TÁC GIẢ TIÊU BIỂU KHÁC

I. Nguyễn Thông (1827 – 1884)

1. Nguyễn Thông

Nguyễn Thông tên chữ là Hy Phần, hiệu Kỳ Xuyên, người huyện Tân Thạnh, tỉnh Gia Định (nay là Kỳ Sơn, Long An). Thân sinh là nhà nho nghèo Nguyễn Hanh. Năm 23 tuổi (1849), Nguyễn Thông đỗ cử nhân nhưng vào thi hội bài thi bị lấm mực không hợp lệ nên bị đánh hỏng. Do nhà nghèo không thể tiếp tục học Nguyễn Thông nhận chức huấn đạo Phú Phong (An Giang). Năm 1855 chuyển ra Huế làm việc ở nội các, tham gia soạn sách *Nhân sự kim giám* (*Gương vàng soi việc người*).

Pháp đánh thành Gia Định (1859) ông tòng quân tham gia sự nghiệp bảo vệ đất nước. Thời gian trong quân ngũ ông là người giúp việc tích cực cho thống đốc quân vụ Tôn Thất Hiệp. Ba tỉnh miền Đông mất, ông cùng một số sĩ phu yêu nước lánh sang miền Tây. Từ 1862-1867 làm đốc học Vĩnh Long. Sau khi lục tỉnh bị cắt hoàn toàn cho Pháp ông lại cùng dòng người tị địa kéo ra Bình Thuận. Cuối năm 1867 làm án sát Khánh Hòa, 1870 làm biện lý bộ hình, tiếp sau làm bố chánh Quảng Ngãi. Từ 1873-1875 vì bị bệnh ông xin về Bình Thuận kết bè bạn du ngoạn các vùng rừng núi. 1876 về kinh làm tư nghiệp Quốc tử giám, cùng một số người khác khảo duyệt bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Sau đó soạn bộ *Việt sử cương giám khảo lược*. 1877 làm phó sứ điền nông kiêm đốc học Bình Thuận. Khuyến khích phát triển nghề nông và giáo dục lớp trẻ là hai việc lớn mà ông ra sức thực hiện trong thời gian cuối đời. Nhìn lại quãng đời làm quan, Nguyễn Thông đã làm những việc đáng chú ý như sau:

1. Thời gian ở Bình Thuận ông tích cực vận động phát triển nghề nông nhằm tích trữ lương thực, tính kế lâu dài. Ngoài ra ông còn tổ chức thăm dò các vùng cao nguyên La Ngự, xem xét khả năng khai hoang, vẽ địa đồ v.v...
2. Khi làm án sát Khánh Hòa ông gửi sớ lên vua Tự Đức điều trần bốn việc: Chọn hiền tài, tăng cường võ bị, cải tiến thuế thổ sản, khoan hậu đối với dân. Ngoài ra, ông còn can vua giảm các cuộc du ngoạn xa tốn kém, bớt xây lăng tẩm.
3. Ở Quảng Ngãi, Nguyễn Thông đã làm nhiều việc có lợi cho dân nhất là công tác thủy lợi. Ông vận động đào kênh, đắp đập, trồng cây, chống lại tệ quan lại, cường hào những lạm của dân. Đây cũng là thời gian Nguyễn Thông bị vu cáo, bị bắt giam và xử trượng. Nhân dân hiểu ông nên có người lặn lội ra tận Huế kêu oan cho ông. Hai việc Nguyễn Thông đề nghị về triều được chấp thuận thi hành trong các tỉnh đó là việc tổ chức trồng cây,

định rõ việc học sử và ban cấp sách học cho các trường. Ông còn gửi sớ lên vua đề nghị lập đồn điền, khai khẩn miền Tây Nguyên (từ biên giới Campuchia đến Quảng Trị). Đề nghị được triều đình chấp thuận nhưng kế hoạch không thực hiện được vì bị thực dân Pháp ngăn trở.

2. Một số nội dung thơ Nguyễn Thông

Những bài thơ tiễn biệt chiếm một tỉ lệ đáng kể trong di sản thơ Nguyễn Thông. Nhiều bài thơ của ông viết ra để tiễn đưa người đi xa như tiễn bạn bè đi nhận chức, đi công cán, tiễn vợ về quê ... Số lượng không nhỏ những bài thơ tiễn biệt trong thơ Nguyễn Thông nói lên rằng ông là một người rất trân trọng tình bạn, giàu tình cảm.

Bài *Tống Nguyễn Thiện quan tri tiết Gia Định kiêm lãnh sự* (Đưa ông Nguyễn Thiện vâng mệnh vua vào Gia Định kiêm chức lãnh sự) vừa chất chứa nỗi lo chung đối với vận mệnh đất nước và truyền tải một tình bạn gắn bó. Nguyễn Thông chia xẻ tâm trạng băng khuâng, nỗi ưu tư trong phút giây chia tay với người bạn già của mình, ông viết:

Huyền tri hậu hội tại hà xứ,
Toa sáng mấn phát toàn thành ông.
Như kim đương trử ân âu nam cô,
Tư nông ngưỡng ốc ưu tài phú.
Trùng dương thương chính thuộc tân nha,
Tam quốc hòa thư tồn chưởng cố.
Tặng quân khổ pháp trừ hải thiên,
Kiểu thủ thiên nam trưởng vân thụ.

(Không biết gặp nhau lần sau ở chỗ nào?)

Vậy nên ngồi buồn, đầu râu tóc bạc, đều hầu thành già cả rồi

Bây giờ đây triều đình đương có việc lo về miền Nam.

Chức tư nông ngưỡng trông nóc nhà lo việc tài chính.

Việc buôn bán với nước ngoài thuộc về một chức quan mới,

Tờ hòa ước ba nước còn đề ở nhà lưu trữ

Tôi bức vì không có thiên trư hải để tặng ông

Ngoảnh đầu về miền Nam băng khuâng nhìn lồng cây rợp...)

Thực ra viết bài thơ thất ngôn dài đưa tiễn bạn này Nguyễn Thông không chỉ nhằm mục đích nói lời chia li, tiễn biệt, để giải bày tình cảm bịn rịn với người đi xa mà còn là dịp để nhà thơ ôn lại những gì ông cùng người bạn già đã trải qua. Đó là giai đoạn đặc ý: “Ưởng lại ba năm trước, tôi làm việc trong dinh Định quân, Cùng ông liền giường nằm bàn việc quân”. Nhưng thời gian đó thật ngắn ngủi, cuộc chiến khốc liệt đã gạt phăng Nguyễn Thông cùng chiến hữu của ông ra khỏi đất lục tỉnh để rồi họ cùng ôm mối sầu xa quê như Dữu Tín và Thiều Lăng thuở

trước. Nguyễn Thông viết những lời thơ buồn diễn tả tình cảnh trở trêu của những nhà yêu nước tị địa lục tỉnh cuối thế kỷ trước:

Phong trần thúc hốt vạn sự cải,
Cố thổ phiêu linh kim kỷ tải?
Ky sấu Dữu Tín ai Giang Nam,

Thù lão Thiếu Lăng ngoại giang hải.

(Cơn gió bụi phút chốc làm cho muôn việc thay đổi,
Chúng ta đều xiêu giạt xa quê nhà đã mấy năm?
Cũng như Dữu Tín ôm mối sầu nằm mãi ở Giang Nam,
Như Thiếu Lăng nằm già rũ ở miền Giang Hải.)

Tình bạn, tình quê hương xứ sở là hai tình cảm luôn hòa quyện, vấn vít trong những bài thơ tiễn biệt của Nguyễn Thông. Mỗi lần làm thơ tiễn một người bạn trở về Gia Định nhà thơ lại một lần ký gửi nỗi lòng nhớ quê day dứt. Điều này cho ta thấy rằng trong những ngày tháng tị địa, lòng nhà thơ luôn hướng về quê hương, canh cánh nỗi lo buồn của một con người rất đỗi gắn bó với nơi chôn rau cắt rốn của mình. Nỗi khao khát trở về quê hương của nhà thơ được gửi gắm trong hai dòng cuối của bài *Tống Bùi Lang chí Gia Định* (Đưa ông Bùi Tịch đi Gia Định):

Ngã dục quán quân quan chức tiểu,
Mỗi nhân công cán đắc hoàn hương.

(Tôi cũng muốn đổi cho ông chức quan nhỏ ấy,
Để mỗi khi nhận việc công được về thăm quê hương.)

Ước muốn “đổi cái chức quan nhỏ” để có dịp “nhận việc công được về thăm quê hương” của nhà thơ quả là vừa làm ấm lòng người đi xa vừa an ủi, vỗ về được nỗi nhớ nhung trong lòng người ở lại.

Thơ tiễn biệt của Nguyễn Thông thường có những câu kết khó quên. Kết thúc bài *Tống Định Tường niết sứ Hoàng Dương đôn quy Kiên Giang biệt nghiệp* (Tiễn ông án sát Định Tường là Hoàng Dương về nhà riêng ở Kiên Giang) Nguyễn Thông viết về người bạn thơ của mình:

Bách thiên qui hải kiêu,
Siêu trưởng đãi tri âm.

(Ôm trăm bài thơ đem về góc bể,
Bâng khuâng đợi bạn tri âm thưởng thức.)

Hai dòng thơ cuối bài *An Giang tống Trần Tử Mẫn Phú Yên quản đạo* (Ở An Giang đưa ông Trần Tử Mẫn đổi đi quản đạo Phú Yên) đượm chút bâng khuâng, lãng mạn:

Đặng lâm phùng lữ nhận,
Vị phụ sở hàng thu.

(Mỗi khi lên cao gặp chim nhận xứ người,
Hãy gửi cho tôi một đôi lời.)

Tình bạn, tình người hòa quyện với tình quê hương xứ sở là đặc điểm riêng dễ thấy trong thơ Nguyễn Thông. Nét riêng và cũng là nét đặc sắc này khiến thi hứng Nguyễn Thông mang một sắc thái khác so với thơ Nguyễn Xuân Ôn, Nguyễn Quang Bích cùng những nhà thơ yêu nước cùng thời khác.

Ngay cả trong bài *Tống nội tử Ngô Vũ Khanh nam qui* (Đưa vợ là Ngô Vũ Khanh về nam) cùng với nỗi buồn chia li “mảnh trăng sáng chia đôi” với người bạn đời nhà thơ còn thổ lộ nỗi nhớ quê da diết của mình. Bài thơ gồm hai khổ tương ứng với hai giấc mộng. Giấc mơ thứ nhất: mơ vợ trở về với một vẻ buồn vô hạn:

Mộng hồi la trưởng, lệ châu san,
Lăn hoán kinh thoa liễm thúy hoàn.

(Giấc mơ về nơi la trưởng, thấy bà rơi hạt châu,
Ra chiều lười biếng không thay cái kinh thoa cài trên mái tóc xanh.)

Giấc mơ thứ hai: Nhà thơ mơ thấy mình trở về quê nhà hưởng thú chân quê với những món ăn giản dị “rau nhút, gỏi cá vược” (Tạc dạ thuần lô giang thượng mộng – Đêm qua nằm mơ về trên sông hưởng cái thú quê rau nhút, gỏi cá vược)...

Tình cảm nhớ nhung quyến luyến đối với vợ và nỗi nhớ quê đến thành mộng, ở Nguyễn Thông cả hai tình cảm ấy đều thật sâu sắc.

Xúc cảm thành thơ trước những cuộc ra đi của bạn bè, người thân, Nguyễn Thông còn làm thơ về chính những cuộc chia ly của mình. Có lẽ trong cuộc đời Nguyễn Thông xót xa nhất là việc phải bỏ quê hương lục tỉnh ra đi. Những bài thơ ông viết liên quan đến sự việc này đều bao phủ một không gian u ám, nặng trĩu. Bài *Thuật cảm* (*Thuật mối cảm xúc*) là tâm trạng của nhà thơ trước cuộc ra đi bất đắc dĩ, xa xót. Sau khi “lạy biệt nhà thờ tổ tiên” “gắng uống chén rượu hoan tống” với bà con thân thích đến tiễn, nhà thơ “than thở bước lên chiếc thuyền con”. Một ý nghĩ bi thương chưa xót chột đến trong suy nghĩ nhà thơ rằng với chuyến đi này “trẻ còn có cơ hội gặp lại, Nhưng người già thì e vĩnh biệt thôi” (Ấu tiểu hội tương tồn, Lão giả thanh vĩnh tỳ). Cảm nhận bi ai về thân thế và thời cuộc đó khiến trong mắt nhà thơ ngoại cảnh trở nên xám xịt, lạnh lẽo khác thường:

Lương phiêu khởi thiên mặt,
Lạc diệp từ cự chi.
(Gió lạnh nổi lên cuối trời,
Lá rụng tách lìa cành cũ.)

Hay:
Ỗ bông nhất hồi miên,
Phù vân mê giang ly.
(Tựa mui thuyền quay đầu nhìn lại,

Thời mây nổi đã phủ kín những cỏ cây dọc sông)

Những dòng thơ “Phù vân mê giang lý”, “Lương phiêu khởi thiên mặt” đã diễn tả sâu sắc tâm trạng của nhà yêu nước ti địa Nam Kỳ cuối thế kỷ trước. Nỗi đau, nỗi buồn của Nguyễn Thông trong giờ phút này gắn liền với nỗi đau đất nước bị chia cắt, với vận mệnh tổ quốc trước những thử thách mới của lịch sử. Tâm trạng buồn này còn được biểu hiện trong bài *Biệt vong đệ lữ phần (Từ biệt mộ người em chôn nơi đất khách)*. Với bài thơ này, nhà thơ từ biệt nấm mộ người em chôn nơi đất khách trong bóng chiều tà mà “hai hàng nước mắt nhỏ đầm đìa” (song lệ lạc tà huy). Nhà thơ ra đi trong cảnh mưa rơi và bóng tối, với “giọt mưa lạnh ban đêm tầm tã” (Hàn vũ dạ phi phi)...

Với những bài thơ trên, ta có thể nói rằng, Nguyễn Thông là nhà thơ của những cuộc chia li, tiễn biệt.

3. Văn xuôi Nguyễn Thông

Văn xuôi Nguyễn Thông bao gồm các bản sớ, biểu, truyện ký, truyện ngụ ngôn... Viết các bản sớ điều trần, biểu, Nguyễn Thông tỏ rõ là người có trách nhiệm cao với nước với dân, say sưa với rất nhiều dự định làm giàu, đẹp cho xã hội. Với một bút lực vững vàng, văn phong mạnh mẽ, các vấn đề ông đề đạt được trình bày, bàn luận một cách hết sức gãy gọn, mạch lạc. Tờ sớ điều trần bốn việc về nội trị, ông viết: “Tháng tư nhuận năm nay, Hoàng thượng ngự ở nội điện triệu tập đình thần văn võ bảo rằng: “Các người trẻ học tráng hành, ai nấy đều làm tròn chức vụ, trên giúp trăm sửa chữa những điều thiếu sót, dưới giúp dân được thỏa lòng trông mong”... Do đó, tôi dám mạnh miệng trình bày bốn việc về nội trị cần phải tiến hành gấp rút trước tiên”. Bốn việc nội trị mà Nguyễn Thông đề xuất đó là: Chọn nhân tài bổ làm quan, cải tiến võ lược, đánh thuế thổ sản, cần khoan hậu. Ở mỗi vấn đề tác giả đều có những sáng kiến riêng, lập luận, phân tích rõ ràng. Riêng vấn đề chọn hiền tài bổ làm quan, do ý thức được vai trò của hệ thống quan lại, Nguyễn Thông trình bày quan điểm của mình bằng cách phản đối lại sự tùy tiện, thiếu khoa học trong công việc này. Ông viết: “Thời xưa chọn kẻ sĩ phải xem xét rõ ràng chắc chắn rồi mới bổ làm quan, và có ra làm quan rồi mới hậu cấp bổng lộc. Vì chức quan mà chọn người, không vì người mà chọn chức quan. Nay các quan phủ huyện châu là những kẻ làm gương mẫu cho sĩ dân. Dầu ở trong triều hay ở ngoài tỉnh, một vị quan đều có một chức trách, cần lựa chọn cẩn thận mới được người xứng đáng. Thế mà những học trò sơ học non nớt, những con nhà quyền quý vênh váo, những bọn lại điều tầm thường, không xét hạnh kiểm, không lường tài năng, chỉ căn cứ vào hàm phẩm mà giao ngay cho chức vụ trọng yếu. Làm quan không có đủ tư cách mà cho giữ chức điều khiển, không thật quả trong sạch mà cho giữ quyền tài chính, không giỏi phán đoán mà cho giữ việc can răn, quen thói nể nang mà cho làm việc bổ bán quan chức. Như thế mà muốn quan lại xứng chức, nhân dân thỏa lòng và chính sự mở mang thì phỏng có được không?” Tổng hợp lại cả bốn vấn đề

nêu ra trong bản điều trần. Nguyễn Thông khẳng định: “Chọn nhân tài để dùng làm quan chức, cải tiến võ lược để bảo vệ bờ cõi, đánh thuế thổ sản để đủ chi dùng, trọng khoan hậu để cố kết lòng người là những điều mà ngày nay không thể trì hoãn. Căn bản để thực hành được tốt là ở mình vua phải có quyết tâm”.

Một trong những mục đích mà người viết điều trần nào cũng mong muốn truyền đạt tới đó là trình bày sáng tỏ vấn đề và thuyết phục người đọc. Người đọc điều trần là vua và các quan đại thần, thuyết phục được “chúa thượng” và những vị quyền cao chức trọng là điều hoàn toàn không phải dễ. Nghĩa là sự đúng đắn, thiết thực và cấp bách của vấn đề còn phải được trình bày vừa khoa học vừa tạo được sự đồng tình, lôi cuốn. Để đạt được điều đó phải có nghệ thuật diễn giải, trình bày, nghĩa là “văn” phải thật hấp dẫn. Các bản văn điều trần Nguyễn Thông không nhiều nhưng cũng đủ cho thấy ông có khả năng lập luận khoa học, giọng văn hùng hồn, thu hút.

[]

[]

Các tiểu phẩm: *Bài minh về thọ đường*, *Bài hát chim Anh vũ*, *Bàn cách ếm quỷ* của Nguyễn Thông cho thấy ông ít nhiều đã thể hiện được lối viết riêng với cách diễn giải thú vị, ẩn ý sâu sắc.

Luận bàn, triết lý một cách khúc chiết, văn hoa đó là bài *Minh về thọ đường*. Theo Nguyễn Thông, trong cuộc sống người giàu có thể sắm được những vật quý hiếm, người hùng mạnh, tài lược có thể lập kỳ tích, người văn hay học rộng có thể viết nên những áng văn thơ kỳ tuyệt. Riêng “tuổi thọ thì người giàu không thể dùng của, người sang không thể cậy thế, không thể trở tài...” mà đạt được. Đó chính là sự kỳ lạ của tạo hóa, giới hạn cuộc sống theo Nguyễn Thông là do “trời định”, “Mọi việc trong thiên hạ, thích mà chắc làm được là thuộc về người, thích mà không chắc làm được là thuộc về trời. Thuộc về người là việc tới sau, thuộc về trời là lẽ định trước. Thọ là điều tự trời định trước, không thể gặp may mà được “ (*Minh về thọ đường*). Điều cốt yếu mà tác giả muốn nhấn nhủ, ngụ ý trong bài văn này là con người ta khi đã ý thức được giới hạn của cuộc sống thì phải biết sự nên chăng của mọi việc. Thâm ý này ẩn sau lời minh: “Thọ đường sâu kín, cao chẳng đầy được vài thước, rộng chẳng chứa được vài người. Dẫu các bậc thánh hiền hào kiệt, kể có hàng trăm hàng nghìn người, đều vào ở nhà này. Cớ sao lại xây dựng nhà cửa cho cao sang rực rỡ, để người sau đều ở” (*Minh về thọ đường*)

Xu hướng ngụ ý, ngụ ngôn trong văn Nguyễn Thông biểu hiện tập trung nhất trong hai tiểu phẩm khác đó là *Bài hát chim Anh vũ* và truyện *Bàn cách ếm quỷ*. Với chuyện *Bài hát chim Anh vũ*, thông qua việc nói về con chim lạ có giọng hót hay đến mê hoặc cả vua, Nguyễn Thông muốn ám chỉ, đả kích những kẻ

chuyên dùng miệng lưỡi để tiến thân, quen xu nịnh và gièm xiểm hại người ở triều đình. Vẻ đẹp khác thường của loài chim này – tức hình bóng những gian thần xiểm nịnh – được Nguyễn Thông diễn tả là rất dị thường, kỳ quái, đáng sợ: “Tôi trộm nghĩ rằng, con chim anh vũ là loài huỳnh ngư hóa kiếp, loài vật ở rừng sâu. Cái tên của nó không phải là tên quý, loài của nó là loại phi cầm, gan ruột của nó không phải là con gà dấm đá lộn, cái vẻ của nó không giống con chim phụng hoàng mà có điềm hay”. Hành trạng chim anh vũ – cũng tức là bọn tiểu nhân gian nịnh hại người – được tác giả diễn giải như sau: “Lúc ban đầu thì nó nuôi trong lồng, sau lần lượt được đem vào nơi cấm dịch. Thân nó được nường nơi hoa các, được quý hơn loài chim hạc nước Vệ. Cái miệng nó được ăn miếng ngon bấu hơn con chim diên nước Lỗ. Vậy nên nó mới được trải lông, sửa cánh, bay khắp chốn triều, rồi nó mới được uốn lưỡi, khoe mồm, nói chuyện vô ích, dùng lời ngọt dịu mà vua nghe không biết mệt. Nói cho đã miệng nó, mà chẳng sợ ai chê cười, lại được ơn vua yêu mà khinh lờn người hiền triết. Ông Ôn Phi Khanh là người tài cao phải lụy mình vì nó, ông Nể Chánh Bình là người học giả mà cũng bị họa với nó, khiến nỗi con phụng là con có đức mà cũng bay cao không dám ở, con hồng là con có tài, mà cũng tránh đi không dám ở lại” (*Bài hát chim anh vũ*).

Dù không gọi đích danh bọn “phi nhân”, chỉ thông qua lối nói bóng gió, ẩn dụ nhưng tiểu phẩm Nguyễn Thông chứng tỏ ông vô cùng căm ghét, khinh bỉ chúng.

Truyện *Bàn cách ếm bùa quỷ* có thể xem là một giải pháp về công cuộc củng cố đất nước chống các thế lực ngoại xâm của Nguyễn Thông. Dưới hình thức một câu chuyện kể với các nhân vật: Gã họ Trần (kẻ bị quỷ dòm nhà), Bồng Lai vô khách, Đả quỷ tử (những kẻ tự xưng có thể trừ quỷ), Nam Nông tiên sinh, Nguyễn Thông cho rằng khi mỗi người tự “chánh tâm” được thì sẽ không bị “quỷ mị” bên ngoài “ám vào” quấy rối. Ông lập luận: “Con người tâm chính là thần minh hiện lên đó. Trái lại những kẻ tà tâm chính vì bị quỷ mị ám vào. Khi bị quỷ mị ám vào thì thần minh không giữ lại được nữa. Khi ấy trăm điều kỳ quái, hỗn loạn nảy sinh ra trong tâm người” (*Bàn cách ếm quỷ*). Do vậy, ở mỗi người không tự chánh tâm được mới là điều đáng lo chứ trước hết không phải là do quỷ dòm nhà. Nam Nông tiên sinh khuyên gã họ Trần: “Người mãi lo sợ quỷ dòm ngó chốn nhà cửa, sao bằng tự chánh tâm, tự an tự, lòng giữ đạm bạc, không mưu tính chi tự nhiên hậu nạn quỷ sẽ hết” (*Bàn cách ếm quỷ*). Với tiểu phẩm mang tính chất ngụ ngôn này, Nguyễn Thông muốn nói rằng để loại trừ nạn ngoại xâm trước hết nội bộ triều đình cần phải được chấn chỉnh lại. Theo ông, hiện tại có sáu loại quỷ đang lũng đoạn triều đình, làm suy yếu đất nước, khiến các thế lực ngoại xâm lấn tới đó là: Quỷ dòm ngó công việc hành chính, quỷ dòm ngó công việc các bộ, quỷ dòm ngó công việc học đường, quỷ dòm ngó công việc biên thùy, quỷ dòm ngó danh vọng, quỷ dòm ngó quyền vị v.v...

Các truyện ký và ký của Nguyễn Thông nội dung đều xuất phát từ vốn sống thực tế. Ghi chép về những sự việc đáng nhớ xảy ra trong thời gian ông làm quan ở Quảng Ngãi có: *Truyện bốn người*, *Bài ký về kinh Vĩnh Lợi*, *Bài ký về đập Đình gia*.

Tiểu phẩm *Truyện bốn người* là những dòng ghi chép đầy xúc cảm về những con người bình thường nhưng đáng mến, đáng trọng. Nghe tin quan bố chánh Nguyễn Thông bị tội oan, tai vạ sắp xảy ra. Ông Bắc Nhai vợ ốm liệt giường cũng mặc, ông Nguyễn Điền đang cày ruộng vội bỏ cày chạy về vận động bạn bè cứu giúp... Những việc làm cao quý đó là xuất phát từ tình cảm, tính tự giác vô tư đến nỗi người được giúp cũng không biết tới...

Bài ký về kinh Vĩnh Lợi có những đoạn văn linh hoạt diễn tả sự thuận lợi của dòng kinh: “Thường thường các kinh khác chỉ hiểm vì cong queo nhỏ hẹp hay nông cạn. Nhưng kinh này lại thích hợp lắm. Lòng kinh quanh co, ăn vào phần đất nhiều làng, tưới chỗ này, tháo chỗ kia, nơi nào cũng tiện, do đó cong lại có lợi. Miệng kinh hút nước sông Vệ, nhân vì kinh nhỏ hẹp nên nước chảy xiết cũng đủ sức đẩy xe nước quay nhanh, do đó, hẹp lại có tác dụng....”

Với ba tiểu truyện về Phan Văn Đạt, Trương Định, Hồ Huân Nghiệp... Nguyễn Thông được xem là người duy nhất viết truyện về những nhân vật lịch sử của thời đại mình. Là những tiểu phẩm mang tính chất “ký” – nghĩa là ghi chép sự thực – nhưng truyện ký Nguyễn Thông ít nhiều đã khắc họa được tính cách riêng của những con người “kiệt hiệt” nhất của Nam Bộ chống Pháp cuối thế kỷ trước. Phan Văn Đạt (*Truyện Phan Văn Đạt*) là người ngay thẳng, giỏi bói toán, thích đàn sáo và rất thông minh “Việc máy móc chỉ xem qua là có thể bắt chước làm được”. Đặc biệt ông rất chung thủy với vợ mặc dù người vợ này đã mất từ lâu. Khi bị Pháp bắt, Phan Văn Đạt tỏ ra rất gan dạ, dũng cảm. Tiểu truyện viết: “Người Tây bắt được Văn Đạt, dọa tra tấn cực hình nhưng Văn Đạt vẫn không hề run sợ, tên chủ ngục lấy làm lạ, hỏi tên thông ngôn. Tên thông ngôn trỏ Văn Đạt mà nói rằng: “Người này là kiệt hiệt nhất trong Đảng”. Vì thế, Văn Đạt bị giết chết...”

Trương Định (*Truyện Trương Định*) lại là một con người rất năng nổ, dũng lược, kiên cường. Những dòng ký chân phượng của Nguyễn Thông ghi nhận những nét đại lược về đời riêng và tính cách của nhân vật lịch sử nổi tiếng này: “Trương Định nguyên người Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, con ông lãnh binh Trương Cầm. Ông theo cha vào Nam, lúc Trương Cầm làm lãnh binh tỉnh Gia Định, thời Thiệu Trị. Định lấy vợ con gái một nhà giàu ở Tân An, tỉnh Định Tường. Sau khi cha mất ông ở luôn quê vợ. Trương Định trạng mạo khôi ngô, thông hiểu binh thư và bắn rất giỏi. Thời Tự Đức, Trương Định xuất của nhà chiêu mộ dân nghèo lập đồn điền nên được bổ chức quản cơ”. Khi ba tỉnh Nam Kỳ bị cắt nhượng, quan tỉnh Vĩnh Long (Phan Thanh Giản) gửi thư khuyên ông bãi binh nhưng “Thư qua lại ba lần Định vẫn không nghe”. Cái chết của Trương Định rất gan góc. Khi bị thương nặng, liệu không thoát nổi, ông rút dao tự vẫn quyết không rơi vào tay giặc...

Theo ghi chép của Nguyễn Thông, Hồ Huân Nghiệp là người hết sức điềm tĩnh, khẳng khái. Diện mạo, tính tình của ông cũng rất đặc biệt. Những dòng truyện ký của Nguyễn Thông về người con ưu tú này của đất lục tỉnh như sau: “Huân Nghiệp mũi cao, tay dài như tay vượn, tính thâm trầm cứng cỏi; có khí tiết khác thường. Khi cha là Lợi mất, ông làm lều ở bên mộ, dạy học trò đọc sách. Bọn kẻ trộm thấy nhà ông ngăn cản đường qua lại của chúng bèn cháy. Huân Nghiệp lại cùng học trò làm nhà khác giảng dạy như thường. Bọn trộm thấy ông thành thực, tìm đi ngả khác”. Con người có tính cách và lòng hiếu khác thường ấy đồng thời cũng là một chiến sĩ bất khuất trước kẻ thù. Cái chết anh dũng, nên thơ của Hồ Huân Nghiệp được Nguyễn Thông chép lại như sau: “Bọn Tây tra hỏi Huân Nghiệp tên những người cầm đầu nghĩa binh, nhưng ông không trả lời. Chúng lại hỏi hòa ước đã định sao còn sinh sự hại dân? Ông khẳng khái cãi lại, bọn Tây không sao làm cho ông thua lý được. Rồi chúng đem máy chém ra. Có tên cố đạo biết chữ Hán, thấy Huân Nghiệp là một người Nho học muốn tìm cách làm cho ông được tha. Hắn đem giá chữ thập ra bảo ông lay, nhưng ông không chịu khuất, lấy giá chữ thập vát xuống đất. Đến lúc sắp phải hành hình, Huân Nghiệp rửa mặt, sửa khăn áo ung dung đọc bốn câu thơ rồi chịu chém, ai thấy cũng ra nước mắt” (*Truyện Hồ Huân Nghiệp*)

Truyện ký của Nguyễn Thông về những nhân vật lịch sử nổi tiếng cùng thời tuy còn mộc mạc, thô sơ nhưng đó lại là những bằng chứng quý giá về sự tiếp cận của tác giả đối với hiện thực cuộc sống đương thời. Vừa là sử nhưng cũng vừa là văn, truyện ký Nguyễn Thông có thể xem là một trong những “thử nghiệm” của ông trong việc đưa văn học đến gần cuộc sống, phản ánh cuộc sống trước mắt.



II. Nguyễn Khuyến (1835-1909)

1. Nguyễn Khuyến

Nguyễn Khuyến (tên thuở nhỏ là Thắng) sinh năm 1835 tại quê mẹ, nơi thân sinh dạy học, đó là thôn Văn Khê, làng Hoàng Xá, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Nối nghiệp cha, từ nhỏ Nguyễn Khuyến đã đèn sách chăm chỉ, nổi tiếng hiếu học. Khi thân sinh mất, gia cảnh càng nghèo nhưng Nguyễn Khuyến vẫn kiên trì theo đuổi việc học hành, thi cử. Kỳ thi hương năm 1864 Nguyễn Khuyến đỗ giải nguyên, năm sau thi hội nhưng bị hỏng. Kỳ thi 1871, do nỗ lực học tập (sau khi thi hội không đỗ ông ở lại Huế học trường Quốc Tử Giám chờ thi) đỗ hội nguyên, thi đình đỗ tiếp đình nguyên. Do 3 lần đỗ đầu, người đời còn gọi ông Tam nguyên Yên Đổ

Các chức quan mà Nguyễn Khuyến lần lượt giữ sau khi thi đỗ là: đốc học Thanh Hóa, Án sát Nghệ An, biện lý bộ hộ, Bó chánh Quảng Ngãi (1877). Cuối năm 1883, Hà Nội thất thủ, Sơn Tây bị tiến đánh, tổng đốc tỉnh này bỏ lên Hương Hóa tham gia kháng chiến. Nguyễn Khuyến lúc bấy giờ đang dưỡng bệnh ở quê nhà được đề cử làm quyền tổng đốc Sơn Tây, nhưng ông từ chối viện cớ đau mắt. Sau khi từ quan, có thời gian (độ vài năm) Nguyễn Khuyến ngồi dạy học ở nhà Kinh lược sứ Bắc kỳ Hoàng Cao Khải. Đây là việc bất đắc dĩ nhằm tránh sự nhòm ngó lời thôi của chính quyền mà ông đã từ chối cộng tác.

Nguyễn Khuyến là một nhà Nho hiền đạt, hoạn lộ thông suốt, nhưng tấn bi kịch mất nước đã bất ngờ chặn đứng tất cả. Trước bước ngoặt của lịch sử đất nước, Nguyễn Khuyến đã dứt khoát chọn con đường từ quan về làng ở ẩn. Mặc dù có lúc ông tự hào gọi đó là “dũng thoái” nhưng cũng có lúc ông lại thấy hành động của mình cũng tương tự như việc:

Cờ đang giở cuộc không cần nuôi,
Bạc chữa thâu canh đã chạy làng.
(Tự trào)

Thái độ “xuất, xử” của Nguyễn Khuyến một mặt thể hiện sự bế tắc của một nhà Nho, mặt khác phản ánh sự bất lực của cả một triều đại phong kiến đã già cỗi, suy nhược trước một thế lực xâm lược mới. Việc từ quan ở ẩn, quyết không cộng tác với giặc của Nguyễn Khuyến cũng thể hiện một lương tâm trong sạch và một nhân cách đáng trân trọng. Cáo quan, ở ẩn nhưng ông vẫn canh cánh bên lòng việc nước, việc đời.

Quế Sơn thi tập – được viết chủ yếu trong thời gian ở ẩn – chất chứa tâm sự cùng những dằn vò, dằn vặt của Nguyễn Khuyến trước thời thế. Đó là tập thơ duy nhất (gồm hơn 200 bài thơ chữ Hán, ngót 100 bài Nôm) mà Nguyễn Khuyến để lại cho đời sau.

2. Một số nội dung Quế Sơn thi tập

Quế Sơn thi tập – tập thơ trữu nặng tâm tư của Tam Nguyên Yên Đổ, một ẩn quan trước thời thế. Tuy cáo quan, chọn cuộc sống ẩn dật nhưng Nguyễn Khuyến vẫn không dứt nổi “tơ lòng” với thời cuộc, tâm tư ông vẫn luôn canh cánh việc nước, việc đời. Việc “lánh đục tìm trong” của bản thân cũng để lại trong thơ ông nhiều trăn trở, day dứt. Nguyễn Khuyến cũng như phần đông các nhà Nho khác đương thời, lấy tư tưởng “tứ quân trạch dân” làm mục đích phấn đấu cho cuộc đời. Sau khi thi đỗ, bất chấp tình hình xã hội phức tạp ông vẫn ra làm quan và luôn miễn cưỡng với mọi việc. Nhưng rồi cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân đã làm đảo lộn tất cả. Chủ quyền đất nước mất, chính quyền thực dân thiết lập ách thống trị, tiếp tục làm quan trong điều kiện đó có nghĩa là làm tay sai cho thực dân đế quốc. Nhưng cầm gươm cầm súng chống lại quân cướp nước như các nhà Nho Cần Vương